

Bản án số: 36/2022/HNGĐ -ST
Ngày 10/8/2022
"V/v ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Lương Hồng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Q Chử - Cán bộ nghỉ hưu

Bà Nguyễn Thị Ng – Chủ tịch Hội phụ nữ huyện

-Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ái - Thư ký TAND huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

- Đại diện VKSND huyện Ân Thi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 08 năm 2022, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2022/TLST - HNGĐ ngày 26/5/2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2022/QĐXX- HNGĐ ngày 11/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/7/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Ng, sinh năm 1991 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Lê Công Q, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Người có QLVN liên quan:

1. Cháu Lê Thị Ng A, sinh ngày 28/8/2012

2. Cháu Lê Thị Ng A, sinh ngày 01/4/2018

3. Cháu Lê C L, sinh ngày 16/01/2021

Người đại diện hợp pháp của các cháu: Chị Ng— Mẹ đẻ của các cháu

Đều trú tại: LX, HTM, ẤT, Hưng Yên

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các cháu: Bà Đỗ Minh Ánh – Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hưng Yên (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 04/10/2021 và lời khai của chị Ng trình bày chị và anh Q có thời gian tìm hiểu nhau, sau một thời gian tìm hiểu thống nhất về báo cáo hai gia đình, hai gia đình nói chuyện và tổ chức cưới cho anh, chị, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồ Tùng Mậu vào ngày 30/10/2011. Sau khi cưới chị về Ng gia đình anh Q chung sống, được khoảng 1 tháng thì vợ chồng ra ăn riêng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Khoảng 4 năm trước thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là anh Q thường xuyên chơi bời dẫn đến nợ nần, đi làm nhưng không mang được đồng tiền nào về để nuôi con, anh Q còn quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị khuyên nhưng anh Q không thay đổi. Tháng 01/2021 chị sinh con thứ 3 anh Q có về 1 lần và từ đó không về lần nào nữa, trong thời gian chị nghỉ nuôi con ở nhà anh Q có gửi tiền cho chị nuôi con khoảng 4 đến 5 lần, sau đó không gửi nữa, không quan tâm gì đến con nữa nên tháng 02/2022 chị mang con về nhà bố mẹ ở. Khi chị về anh Q có điện và hỏi chị giải quyết ly hôn đến đâu rồi, khoảng 2 tháng nay anh Q không liên lạc nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị làm đơn xin ly hôn anh Q.

Về con chung: Có 03 con chung. Hiện nay cả 03 con chung đang ở với chị

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không đề nghị Tòa giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Hoàng Thị Kỳ (mẹ đẻ của anh Q) trình bày: Anh chị được người giới thiệu sau đó tự tìm hiểu nhau, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồ Tùng Mậu vào năm 2011. Sau khi cưới chị Ng về Ng gia đình bà chung sống, 01 tháng đầu thì ăn chung, sau đó anh chị ăn riêng. Bà thấy anh chị có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Khoảng 4 năm trước anh Q thay đổi cách sống, cách nghĩ, chơi bời cờ bạc, không lo cho vợ con nên vợ chồng thường xuyên trục trặc, gia đình và chị Ng khuyên nhưng anh Q không nghe, nhiều lần chị Ng viết đơn ly hôn nhưng anh Q xé, bà đã nhiều lần khuyên chị Ng đừng vay tiền cho Q hoặc bảo anh Q về chứ như thế này thì anh Q không thay đổi được. Khoảng 01 năm trước chị Ng sinh con, anh Q có về 1 lần, sau đó không về nữa. Chị Ng xin ly hôn bà mong muốn giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Về con chung: Anh Q, chị Ng có 03 con chung là Lê Thị Ng A, sinh năm 2012; Lê Thị Ng A, sinh năm 2018 và Lê C L, sinh năm 2021. Bà mong muốn Tòa giao cả 03 con chung cho chị Ng nuôi vì anh Q không nhà, không cửa, nợ nần nhiều.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không nắm được.

Tại biên bản lấy lời khai bà Trần Thị Mát (mẹ của chị Ng) trình bày: Anh chị quen biết nhau do giới thiệu, sau đó cả hai tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, anh chị về báo cáo hai gia đình, hai gia đình nói chuyện và tổ chức cưới cho anh chị theo phong tục tập quán của địa phương, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồ Tùng Mậu vào năm 2011. Sau khi cưới thì chị Ng về Ng gia đình chồng chung sống. bà thấy anh chị có thời gian chung sống hạnh phúc, thương yêu, chịu khó làm ăn, nhưng khi anh chị vào Nam làm ăn thì anh Q thay đổi, chơi bời cờ bạc, không quan tâm gì

đến vợ con, vì thế anh chị về quê sinh sống, chị Ng làm công ty, còn anh Q đi làm vài hôm lại bỏ, sau đó anh Q đòi vào Nam làm, chị Ng còn vay tiền để cho anh Q đi làm, nhưng anh Q đi không gửi tiền về, thậm chí còn gọi về nhà để gửi tiền, vì kinh tế khó khăn anh chị cãi nhau, trong khi anh Q đi làm không gửi tiền về nuôi con, không quan tâm gì đến con. Khi sinh cháu thứ 3 anh Q về có một lần, từ đó không về. Tháng 2/2022 chị Ng quyết định ly hôn, bà có khuyên thì chị Ng bảo con đã chịu đựng để các con đỡ khổ nhưng anh Q quá đáng, không còn quan tâm đến ý gì đến con, nên chị Ng quyết định ly hôn và về nhà bà ở, từ khi chị Ng về bà có hỏi chị Ng là anh Q có gọi điện thoại về không, chị Ng bảo thỉnh thoảng có gọi điện thoại về thăm con, sau đó giục chị giải quyết ly hôn, hai tháng nay thì chị Ng bảo anh Q không liên lạc nữa. Nay anh chị có ở được với nhau hay không là quyền của anh chị.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Lê Thị Ng A, sinh năm 2012; Lê Thị Ng A, sinh năm 2018 và Lê C L, sinh năm 2021. Hiện nay cả ba cháu đang ở với chị Ng.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: không rõ

Tại biên bản xác minh với UBND xã Hồ Tùng Mậu: Chị Ng, anh Q là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồ Tùng Mậu vào ngày 30/10/2011. Quá trình chị Ng, anh Q chung sống với nhau có mâu thuẫn hay không UBND xã không nắm được.

Về con chung: Vợ chồng chị Ng, anh Q có 03 con chung là Lê Thị Ng A, sinh năm 2012; Lê Thị Ng A, sinh năm 2018 và Lê C L, sinh năm 2021.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: UBND xã không nắm được.

Tại phiên tòa ngày 29/7/2022: Chị Ng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Còn anh Q được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ nhất. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của BLTTDS, HĐXX tiến hành hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 10/8/2022: Chị Ng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn anh Q được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 vắng mặt không có lý do. Căn cứ điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các cháu, bà Đỗ Minh Ánh trình bày: Anh Q, chị Ng có 03 con chung là Lê Thị Ng A, sinh năm 2012; Lê Thị Ng A, sinh năm 2018 và Lê C L, sinh năm 2021. Quá trình giải quyết vụ án nguyện vọng của chị Ng xin nhận nuôi cả ba con chung. Xét thấy nguyện vọng của chị Ng phù hợp với thực tế vì cả ba con chung đang ở với chị Ng, anh Q vắng mặt tại địa phương do anh Q chơi bời dẫn đến nợ nần, phù hợp với nguyện vọng của cháu Ng A và quan điểm của bà Kỳ (mẹ đẻ của anh Q), còn cháu C L chưa đủ 36 tháng tuổi, cháu Ng A còn nhỏ, vì vậy đề nghị HĐXX giao cả ba con chung cho chị Ng nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Về cấp dưỡng: Chị Ng mặc dù làm công nhân thu nhập hàng tháng từ 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng nhưng để đảm bảo việc chăm sóc, học tập của các cháu nên chị Ng yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật là yêu cầu chính đáng nên đề nghị HĐXX xem xét.

*** Ý kiến và quan điểm của đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa:**

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng:

- Trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán, thư ký chấp hành đúng quy định tại điều 48; 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Nguyên đơn: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn là anh Q đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận không khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh Q vắng mặt, không có lý do đã vi phạm khoản 15,16 Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Người làm chứng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 78 Bộ luật Tố tụng dân sự

+ Về đường lối giải quyết:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 228 BLTTDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Ng.

- Về con chung: Giao các cháu Lê Thị Ng A, sinh năm 2012; Lê Thị Ng A, sinh năm 2018 và Lê C L, sinh năm 2021 cho chị Ng nuôi dưỡng đến khi thành niên. Anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Ng cho cả 03 con chung theo quy định của pháp luật. Anh Q có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không yêu cầu giải quyết

- Về án phí: Chị Ng phải chịu án phí DSST. Anh Q phải chịu án phí cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và quan điểm của đại diện VKSND huyện, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ng, anh Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồ Tùng Mậu vào ngày 30/10/2011. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Ng, anh Q là hợp pháp. Nay chị Ng có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung. Anh Q có ĐKKHKT tại LX, HTM, ẤT nên việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét mâu thuẫn vợ chồng: Chị Ng xác định năm 2018 vợ chồng chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân anh Q thường xuyên chơi bời, dẫn đến nợ nần, đi làm nhưng không mang tiền về nuôi con, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị Ng đã vì con mà tha thứ cho anh Q để vợ chồng tiếp tục chung sống, nhưng anh Q không thay đổi, sau khi sinh con thứ 3, anh Q có về 01 lần, và gửi cho chị tiền nuôi con được 4 đến 5 lần, từ đó không gửi, không quan tâm đến vợ, con vì thế chị Ng và các con về mẹ đẻ tại Tiên Lữ sinh sống từ tháng 02/2022. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh Q. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án tiến hành triệu tập họp lệ anh Q đến trụ sở Tòa án để tiến hành phân tích hòa giải để anh chị về đoàn tụ nuôi dạy con chung. Tuy nhiên, anh Q biết nhưng anh đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể hoà giải đoàn tụ vợ chồng cho anh chị được. Xét mâu thuẫn của anh Q, chị Ng thì thấy anh chị đã có thời gian dài mâu thuẫn nguyên nhân như chị Ng trình bày, phù hợp với lời khai của bà Kỳ (mẹ đẻ của anh Q), bà Mát (mẹ của chị Ng), hơn nữa bà Kỳ mong muốn HĐXX giải quyết cho chị Ng ly hôn. Như vậy thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, bởi vậy căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 hôn nhân HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ng là phù hợp với pháp luật và thực tế vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh Q, chị Ng có 03 con chung là Lê Thị Ng A, sinh ngày 28/8/2012; Lê Thị Ng A, sinh ngày 01/4/2018 và Lê C L, sinh ngày 16/01/2021. Nay ly hôn chị Ng có nguyện vọng được nuôi cả 03 con chung. Còn về phía anh Q do anh Q không đến Tòa nên trong hồ sơ không thể hiện nguyện vọng của anh Q. Xét nguyện vọng của chị Ng là phù hợp với thực tế vì hiện nay cả 03 con chung đang ở với chị Ng, và phù hợp với nguyện vọng của cháu Ng A có nguyện vọng ở với chị Ng, còn cháu C L chưa đủ 36 tháng tuổi, cháu Ng A còn nhỏ, hơn nữa anh Q vắng mặt tại địa phương, bà Kỳ mong muốn HĐXX giao cả 03 con chung cho chị Ng nuôi vì anh Q không nhà, nợ nần nhiều, vì vậy để tránh việc xáo trộn trong học tập, sinh hoạt của các cháu, HĐXX xét thấy cần giao cả 03 con chung của anh Q, chị Ng cho chị Ng tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên là đảm bảo mọi mặt cho con chung. Về cấp dưỡng chị Ng yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi cả 03 con chung cho chị theo quy định của pháp luật. Xét yêu cầu của chị Ng thì thấy, hiện nay chị Ng là công nhân may tuy thu nhập hàng tháng là khoảng 9.000.000 đồng nhưng việc nuôi cả 03 con chung mà để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho các cháu thì cần một phần hỗ trợ của anh Q nên yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là yêu cầu chính đáng nên HĐXX chấp nhận. Buộc anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Ng cho cả 03 con chung, mỗi cháu là 800.000 đồng/ tháng kể từ tháng 8/2022 cho đến khi các cháu thành niên.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Sau này anh Q có yêu cầu Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác

[5] Về án phí: Chị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Q phải chịu án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1, 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị Ng được ly hôn anh Lê Công Q

2- Về con chung: Giao các cháu Lê Thị Ng A, sinh ngày 28/8/2012; Lê Thị Ng A, sinh ngày 01/4/2018 và Lê C L, sinh ngày 16/01/2021 cho chị Phan Thị Ng tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi cả 3 con chung cho chị Ng mỗi cháu 800.000 đồng/ tháng kể từ tháng 08/2022 cho đến khi ba cháu thành niên. Anh Q có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án bên phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng thì ngoài số tiền phải trả còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm thi hành theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau này anh Q có yêu cầu Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác

4 - Về án phí : Chị Ng phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0004054 ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Chị Ng đã nộp đủ án phí. Anh Q phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

5- Quyền kháng cáo: Chị Ng, anh Q có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trở lại hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT tỉnh;
- VKSND + THADS huyện;
- Đương sự;
- UBND xã Hồ Tùng Mậu, Ân Thi;
- Lưu HS

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Lương Hồng

